

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2018/HS-ST
Ngày 10-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Sơn;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mã Văn Đâu;

Ông Nguyễn Văn Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Hồng Trâm – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Quan Hữu Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 71/2018/TLST-HS ngày 27 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Yên D, sinh ngày 14 tháng 4 năm 1995 tại huyện P, tỉnh Cà Mau.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp T, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1952 và bà Phan Thị A, sinh năm 1955; có chồng thứ nhất Trương Văn B, sinh năm 1987 (không đăng ký kết hôn, đã ly thân), có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011; chồng thứ hai Lý Đ, sinh năm 1989, quốc tịch: Trung Quốc (không đăng ký kết hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh ngày 23/6/2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa có án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giam từ ngày 22/7/2015 đến ngày 11/8/2015 được Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn ra Quyết định cho Bảo lãnh nhưng bị cáo đã bỏ trốn tại địa phương. Ngày 24/4/2018, bị cáo ra đầu thú nên bị cáo bị tạm giam từ ngày 24/4/2018 đến nay, hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

1. Chị Nguyễn Thị Linh P, sinh năm 1982; nơi cư trú: Khu T1, phường H, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt;

2. Chị Trịnh Thị Lệ C, sinh năm 1985; nơi cư trú: Ấp T2, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt;

3. Chị Nguyễn Diễm M, sinh năm 1995; nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt;

4. Chị Huỳnh Bé T, sinh năm 1996; nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ;

5. Chị Nguyễn Bảo Y, sinh năm 1985; nơi cư trú: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt;

6. Chị Đoàn Thị Thu T1, sinh năm 1978; nơi cư trú: Ấp C1, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau, vắng mặt;

7. Chị Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thị trấn C1, huyện P, tỉnh Cà Mau, vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Chị Nguyễn Thị A1, sinh năm 1981, nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ 30 phút ngày 22/7/2015, tại đường mòn biên giới thuộc thôn C2, xã Y, huyện L1, tỉnh Lạng Sơn, Tổ kiểm soát cơ động thuộc Đồn Biên phòng Cửa khẩu C3, tỉnh Lạng Sơn kiểm tra, phát hiện Nguyễn Thị Yến D (sinh năm 1995, nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau) đang tổ chức đưa dẫn Nguyễn Thị Linh P (sinh năm 1982, nơi cư trú: Khu T, phường H, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh) và Trịnh Thị Lệ C (sinh năm 1985, nơi cư trú: Ấp T2, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp) xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc. Tổ kiểm soát đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực An ninh trật tự, an toàn xã hội đối với Nguyễn Thị Yến D, Nguyễn Thị Linh P và Trịnh Thị Lệ C, đồng thời đưa cả ba về Đồn Biên phòng Cửa khẩu C3 để tiến hành điều tra làm rõ. Tang vật thu giữ của Nguyễn Thị Yến D gồm: 21 (hai mươi một) vòng đeo cổ tay bằng kim loại màu vàng có cùng kiểu dáng và đường kính là 05 cm; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu trắng, đen, số IMEI 067702029828715; 01 chứng minh nhân dân số 381812240 mang tên Nguyễn Thị Yến D do Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 11/02/2014; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, số IMEI 356902/08/253591/2, cũ đã qua sử dụng, bên trong có 01 sim.

Tại bản Kết luận giám định số 3169/C54(P4) ngày 22/6/2017 của Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an kết luận: “21 (hai mươi một) vòng đeo cổ tay kim loại màu vàng có cùng kiểu dáng, kích cỡ, hoa văn nổi thu giữ của Nguyễn Thị Yến D gửi giám định có tổng khối lượng 40,68 gam đều là vàng (Au) T1 sức, hàm lượng trung bình Au 62,78%, bạc (Ag) 15,35%, đồng (Cu) 20,75%”.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Thị Yến D đã khai nhận: Năm 2008, Nguyễn Thị Yến D làm thuê tại Công ty Giày da S (có trụ sở tại: Ấp B, xã B1, huyện T3, tỉnh Bình Dương) có quen biết với một người phụ nữ tên Huỳnh Út N

(quê ở tỉnh Cà Mau nhưng không biết rõ địa chỉ), hai người cho nhau số điện thoại để liên lạc với nhau. Đến cuối tháng 1/2014, Nguyễn Thị Yến D nhận được tin nhắn của Huỳnh Út N (N dùng số điện thoại Trung Quốc) hỏi thăm tình hình. Nguyễn Thị Yến D cho Huỳnh Út N biết đã có chồng và một con nhưng hiện tại đã bỏ chồng, không có việc gì làm và đang sống cùng mẹ đẻ. Còn Huỳnh Út N cho biết đã sang Trung Quốc lấy chồng và cuộc sống bên này rất sung sướng, không phải làm gì nặng nhọc, được nhà chồng yêu thương, khi lấy chồng được nhà chồng cho 30.000.000 đồng. Huỳnh Út N bảo Nguyễn Thị Yến D nếu có nhu cầu sang Trung Quốc lấy chồng thì Huỳnh Út N sẽ giúp và hướng dẫn cách đi lại.

Khoảng tháng 02/2014, Nguyễn Thị Yến D cho Huỳnh Út N biết mình có nhu cầu sang Trung Quốc lấy chồng. Sau khi được Huỳnh Út N hướng dẫn, Nguyễn Thị Yến D một mình đi xe ô tô khách từ nhà đến thành phố L sau đó được Huỳnh Út N chỉ dẫn đến cây xăng cửa khẩu C3, huyện L2, tỉnh Lạng Sơn. Tại đây, có một người phụ nữ đi xe máy đến hỏi Nguyễn Thị Yến D có phải là người của P1 (P1 là bạn của Huỳnh Út N), Nguyễn Thị Yến D nói phải nên được người phụ nữ đó dẫn đi theo đường mòn sang Trung Quốc gặp hai người phụ nữ (một người giới thiệu tên là P1, người còn lại tên là H2). Sau đó, P1 gọi xe taxi đưa Nguyễn Thị Yến D vào nội địa Trung Quốc, P1 đưa Nguyễn Thị Yến D đến nhà P1 ở tỉnh Hà Nam, Trung Quốc và gả làm vợ cho một người đàn ông Trung Quốc tên là Lý Đ; Nguyễn Thị Yến D được P1 đưa cho 30.000.000 đồng. Thời gian sau đó, Nguyễn Thị Yến D biết P1 là người rủ rê, đưa Huỳnh Út N sang Trung Quốc lấy chồng.

Tháng 05/2014, Nguyễn Thị Yến D nhận được điện thoại của một người phụ nữ tên là T1 (là bạn của Huỳnh Út N) hỏi Nguyễn Thị Yến D có về Việt Nam không, Nguyễn Thị Yến D nói khi nào làm đám cưới xong thì về, T1 dặn Nguyễn Thị Yến D khi nào về Việt Nam thì cho T1 biết để dẫn cho T1 một số phụ nữ có nhu cầu lấy chồng ở bên Trung Quốc, T1 sẽ trả công đưa dẫn và số tiền chi phí đi lại đưa sang Trung Quốc.

Cuối tháng 06/2015, Nguyễn Thị Yến D từ Trung Quốc về Việt Nam và cho T1 biết. Được vài ngày sau, T1 nhắn tin hỏi Nguyễn Thị Yến D bao giờ về Trung Quốc và được Nguyễn Thị Yến D cho biết qua đám giỗ của bố sẽ quay lại Trung Quốc. Vài ngày sau, Nguyễn Thị Yến D nhận được điện thoại của người phụ nữ tên M1 (không biết tên tuổi, địa chỉ, quê ở tỉnh Cà Mau). M1 cho Nguyễn Thị Yến D biết có người phụ nữ đang muốn sang Trung Quốc lấy chồng và bảo Nguyễn Thị Yến D dẫn sang. Hai người thỏa thuận nếu M1 tìm được ai có nhu cầu sang Trung Quốc lấy chồng thì sẽ trả cho 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng tùy theo số tiền mà nhà chồng bên Trung Quốc cho.

Ngày 19/7/2015, Nguyễn Thị Yến D cho T1 biết ngày 21/7/2015 sẽ lên thành phố Hồ Chí Minh để sáng ngày 22/7/2015 làm thủ đi máy bay ra Hà Nội và đi Trung Quốc. Lúc này, T1 nói sẽ cho người đưa một số người phụ nữ đến sân bay để Nguyễn Thị Yến D đưa sang Trung Quốc, ngoài ra T1 còn bảo có một người phụ nữ muốn ứng trước 10.000.000 đồng và dặn T1 đưa tiền cho người đưa người phụ nữ đó đến. Ngày 21/7/2015, trước khi lên thành phố Hồ Chí Minh,

Nguyễn Thị Yên D điện thoại cho M1 biết ngày giờ đi Trung Quốc và bảo M1 đưa người phụ nữ có nhu cầu sang Trung Quốc đến sân bay T để Nguyễn Thị Yên D đưa sang Trung Quốc.

Khoảng 05 giờ ngày 22/5/2015, Nguyễn Thị Yên D đến sân bay T thì thấy có một người đàn ông đưa một người phụ nữ đến và thấy M1 cũng đưa một người phụ nữ đến. Nguyễn Thị Yên D lấy chứng minh nhân dân của hai người phụ nữ và đi mua vé máy bay. Khi xem chứng minh nhân dân, Nguyễn Thị Yên D được biết hai người phụ nữ trên là Nguyễn Thị Linh P và Trịnh Thị Lê C. Sau đó, Nguyễn Thị Yên D đưa cho người đàn ông đó 10.000.000 đồng như lời T1 đã dặn và đưa cho M1 600.000 đồng tiền taxi và cho M1 biết khi nào đưa được Trịnh Thị Lê C sang Trung Quốc lấy chồng thì sẽ gửi cho M1 tiền công và 30.000.000 đồng để M1 đem về cho người nhà của Trịnh Thị Lê C. Sau đó, Nguyễn Thị Yên D đưa vé máy bay cho Nguyễn Thị Linh P và Trịnh Thị Lê C, lần này đi Nguyễn Thị Yên D đưa cả con trai là Nguyễn Gia T2, sinh ngày 15/11/2014 đi cùng. Trên máy bay, Nguyễn Thị Linh P và Trịnh Thị Lê C có hỏi Nguyễn Thị Yên D đi sang Trung Quốc thế nào khi không có giấy tờ thì được Nguyễn Thị Yên D cho biết sẽ vượt biên trái phép. Đến sân bay N vào khoảng 11 giờ 30 phút, Nguyễn Thị Yên D gọi xe taxi để đi lên thành phố L. Khi đến Lạng Sơn, Nguyễn Thị Yên D gọi cho H2 và H2 cho người ra đón vào biên giới và đi thẳng vào đường mòn gần Cửa khẩu C3. Trong lúc đang xuất cảnh trái phép theo đường mòn thì bị bắt.

Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Thị Yên D còn khai nhận trước đó trong khoảng thời gian từ tháng 7/2014 đến tháng 03/2015, Nguyễn Thị Yên D còn đưa 04 lần trót lọt 06 người phụ nữ Việt Nam sang Trung Quốc để lấy chồng, cụ thể: Lần 1, vào đầu tháng 7/2014, Nguyễn Thị Yên D đã đưa Nguyễn Diễm M (sinh năm 1995, nhà ở ấp T, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau) xuất cảnh trái phép theo đường mòn sang Trung Quốc lấy chồng đến cuối tháng 6/2015, Nguyễn Diễm M đã cùng Nguyễn Thị Yên D về Việt Nam. Trong lần này, Nguyễn Thị Yên D được trả công 23.000.000 đồng.

Lần 2, ngày 06/01/2015, Nguyễn Thị Yên D đưa Nguyễn Bảo Y (sinh năm 1985, nhà ở tại ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau), Huỳnh Bé T (sinh năm 1996, nhà ở ấp T, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau) và một người phụ nữ ở tỉnh Sóc Trăng (không rõ tên tuổi, địa chỉ) xuất cảnh trái phép theo đường mòn sang Trung Quốc lấy chồng. Hiện nay, Nguyễn Bảo Y và Huỳnh Bé T đã về Việt Nam. Trong lần này, Nguyễn Thị Yên D được trả công 20.000.000 đồng và 5000NDT và 7.500.000 đồng tiền chi phí đi lại.

Lần 3, giữa tháng 01/2015, Nguyễn Thị Yên D đưa Đoàn Thị Thu T1 (sinh năm 1978, nhà ở ấp C1, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau) xuất cảnh trái phép theo đường mòn sang Trung Quốc lấy chồng. Hiện nay, Đoàn Thị Thu T1 đã về Việt Nam, tuy nhiên Đoàn Thị Thu T1 không có mặt tại địa P1 nên Cơ quan điều tra không tiến hành ghi lời khai được. Trong lần này, Nguyễn Thị Yên D được trả công 10.000.000 đồng.

Lần 4, vào tháng 03/2015, Nguyễn Thị Yến D đưa Nguyễn Thị Thu H1 (sinh năm 1997, nhà ở thị trấn C1, huyện P, tỉnh Cà Mau) xuất cảnh trái phép theo đường mòn sang Trung Quốc lấy chồng. Hiện nay, Nguyễn Thị Thu H1 đã về Việt Nam, tuy nhiên Nguyễn Thị Thu H1 không có mặt tại địa P1 nên Cơ quan điều tra không tiến hành ghi lời khai được. Trong lần này, Nguyễn Thị Yến D được trả công 17.000NDT.

Ngày 22/7/2015, Nguyễn Thị Yến D bị bắt, do đang nuôi con nhỏ và gia đình có đơn xin bảo lãnh nên ngày 11/8/2015, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã ra Quyết định Bảo lãnh giao cho thân nhân. Tuy nhiên, khi được về nhà, Nguyễn Thị Yến D không chấp hành mà bỏ trốn khỏi địa P1 nên ngày 19/10/2015, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã ra Quyết định truy nã đối với Nguyễn Thị Yến D. Ngày 03/11/2015, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án đến ngày 24/4/2018, Nguyễn Thị Yến D đã ra đầu thú.

Nguyễn Thị Linh P khai nhận: Nguyễn Thị Linh P có chị họ tên là V hiện đang lấy chồng ở Trung Quốc, thông qua mạng xã hội Zalo, Nguyễn Thị Linh P cho V biết hiện đã bỏ chồng và đang nuôi con nhỏ 10 tuổi. V đã động viên Nguyễn Thị Linh P sang Trung Quốc lấy chồng và nói sẽ tìm người quen để gả cho, nếu đồng ý lấy chồng Trung Quốc thì sẽ được nhà chồng cho 40.000.000 đồng và được tạm ứng trước 10.000.000 đồng. Ngày 19/7/2015, V cho Nguyễn Thị Linh P biết có người quen sẽ đưa sang Trung Quốc là Nguyễn Thị Yến D nên Nguyễn Thị Linh P đã đồng ý và sáng ngày 21/7/2015, V cho một người đàn ông tên V1 (V1 là em họ hàng của V) đến đưa cho Nguyễn Thị Linh P 3.000.000 đồng là tiền tạm ứng. Đến sáng ngày 22/7/2015, Nguyễn Thị Linh P được V1 đến đón ra sân bay và gặp Nguyễn Thị Yến D để D đưa sang Trung Quốc.

Trịnh Thị Lệ C khai nhận: Thông qua một người phụ nữ tên H2 (không rõ họ tên, ở tại Ấp H1, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp), Trịnh Thị Lệ C đã quen với M1 (quê ở tỉnh Cà Mau). M1 đã rủ Trịnh Thị Lệ C sang Trung Quốc lấy chồng và cho biết sau khi lấy sẽ được nhà chồng cho 30.000.000 đồng. Cuộc sống bên đó rất sung sướng, không phải làm gì vất vả, được nhà chồng yêu thương, mọi chi phí đi lại đều có người lo hết. Trịnh Thị Lệ C đồng ý và M1 hẹn ngày 22/7/2015 đến sân bay T thì sẽ có người đi. Đến sáng ngày 22/7/2015, Trịnh Thị Lệ C đi cùng M1 đến sân bay và gặp Nguyễn Thị Yến D để D đưa sang Trung Quốc.

Tại Cáo trạng số 67/CT-VKS-P1 ngày 26/9/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Yến D về Tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép theo quy định tại khoản 2, Điều 275 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Yến D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả thẩm vấn, tranh tụng tại phiên tòa có đủ căn cứ xác định các bị cáo Nguyễn Thị Yến D đã thực hiện

hành vi tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Vì vậy, đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị Yến D. Sau khi phân tích tính chất mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 275 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Yến D mức án tù 05 đến 06 năm tù và không truy thu số tiền thu lợi bất chính vì bị cáo không còn khả năng thi hành, nhưng cần tịch thu sung công quỹ 21 chiếc vòng trang sức đeo tay vì đây là tài sản do phạm tội mà có, đồng thời tịch thu sung công quỹ hai điện thoại di động vì bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội; trả lại bị cáo các giấy tờ tùy thân.

Trong lời nói sau cùng bị cáo Nguyễn Thị Yến D thể hiện sự ăn năn hối hận và hiện đang nuôi con nhỏ mới sinh tháng 6/2018 nên bị cáo xin được hưởng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự, các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Yến D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Ngoài ra, còn phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận: *“Từ tháng 7/2014 đến tháng 7/2015, Nguyễn Thị Yến D đã tổ chức và đưa dẫn 05 lần với 08 phụ nữ Việt Nam sang Trung Quốc mục đích để lấy chồng, trong đó đã 04 lần đưa 06 người phụ nữ trốn lậu, lần thứ 5 vào ngày 22/7/2015, Nguyễn Thị Yến D đang trên đường đưa Nguyễn Thị Linh P và Trịnh Thị Lệ C vượt biên trái phép qua Trung Quốc thì bị phát hiện bắt quả tang. Số tiền công mà Nguyễn Thị Yến D đã nhận được là 60.500.000 đồng và 22.000NDT”*. Vì vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Yến D về Tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép theo quy định tại khoản 2, Điều 275 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan.

[3] Xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh gây hoang mang lo lắng trong quần

chúng nhân dân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và để làm gương cho người khác, phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm.

[4] Để có mức án tương xứng đối với bị cáo Nguyễn Thị Yến D, ngoài đánh giá về tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cần xem xét đến nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

[5] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Thị Yến D không có tiền án, tiền sự, chưa có án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật, do đó bị cáo là người có nhân thân tốt.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Ngoài tình tiết tăng nặng định khung hình phạt thì bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự khác theo quy định của Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, bị cáo luôn có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự thú ra hành vi phạm tội trước đó và hiện bị cáo đang nuôi con nhỏ mới sinh 6/2018, sau khi bị cáo được cho bảo lãnh đã bỏ sang Trung Quốc sinh sống cùng chồng bị cáo, nhưng sau đó đã trở về Việt Nam đầu thú tại Cơ quan điều tra nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngoài ra, căn cứ vào Nghị quyết số 41 của Quốc Hội về áp dụng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội thì bị cáo còn được vận dụng theo khoản 3 Điều 7 và điểm b khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Như vậy có căn cứ để xử phạt bị cáo với mức án thấp mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

[8] Về hình phạt bổ sung: Qua các tài liệu điều tra, xác minh xét thấy bị cáo Nguyễn Thị Yến D không có tài sản để đảm bảo thi hành án, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để xử lý đối với những vật chứng đã thu giữ. Cụ thể:

[10] Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước 02 chiếc điện thoại di động do bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu trắng, số IMEI 867702029828715; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, số IMEI 356902/08/253591/2 do bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội.

[11] Đối với số tiền 60.500.000 đồng và 22.000 NDT tiền Trung Quốc do bị cáo phạm tội mà có, do bị cáo đã chi dùng hết và một phần đã dùng để mua tư trang cá nhân mà hiện đang bị thu giữ và bị tịch thu. Đồng thời xét thấy bị cáo không có nơi cư trú rõ ràng nên việc truy thu số tiền không đảm bảo tính khả thi do đó, không cần thiết phải truy thu số tiền đó, nhưng cần tịch thu hóa giá sung

công quỹ nhà nước 21 (hai mươi một) vòng trang sức đeo cổ tay bằng kim loại màu vàng có cùng kiểu dáng và đường kính là 05 cm do đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có.

[12] Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Yến D: 01 chứng minh nhân dân số 381812240 mang tên Nguyễn Thị Yến D do Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 11/02/2014.

[13] Như vậy, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phù hợp với nhận định trên nên đều được chấp nhận.

[14] Trong vụ án trên còn có một số đối tượng khác, tuy nhiên do Cơ quan điều tra không có đủ thông tin xác minh làm rõ nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét trong Bản án này.

[15] Bị cáo Nguyễn Thị Yến D bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 275; điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết 41 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7 và điểm b khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự năm 2015

Căn cứ Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

I. Về tội danh và hình phạt

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Yến D phạm tội “Tội tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép”

2. Về hình phạt

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Yến D 05 (năm) năm tù giam, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/4/2018 được trừ đi thời hạn đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/7/2015 đến ngày 11/8/2015.

Không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị Yến D.

II. Về xử lý vật chứng

1. Tịch thu hóa giá, sung công quỹ Nhà nước

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu trắng, số IMEI 867702029828715;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, số IMEI 356902/08/253591/2, cũ đã qua sử dụng, bên trong có 01 sim mạng Viettel.

- Một phong bì niêm phong được dán kín: Mặt trước có chữ “BỘ CÔNG AN, TỔNG CỤC CẢNH SÁT, số 3169/C54 (P4); mẫu vật hoàn trả, kính gửi: Cơ

quan ANĐT Công an tỉnh Lạng Sơn”. Mặt sau có 04 chữ ký trên mép dán của phong bì, cùng tên của Phan Thị Thu H3 bên trong có 21 (hai mươi một) vòng đeo cổ tay là vàng (Au) T1 sức; hàm lượng trung bình Au 62,78%, bạc (Ag) 15,35%, đồng (Cu) 20,75%, có cùng kiểu dáng, kích cỡ hoa văn nổi.

2. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Yến D

01 (một) chứng minh nhân dân số 381812240 mang tên Nguyễn Thị Yến D do Công an tỉnh Cà Mau cấp ngày 11/02/2014;

(Vật chứng trên được ghi chi tiết tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/7/2018 và giữa Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn).

III. Về án phí

Bị cáo Nguyễn Thị Yến D phải chịu **200.000 đồng** (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- PC81B, PV27 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Lưu: Hồ sơ; Tòa Hình sự; HCTP; KTNV & THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Sơn